TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ KONTUM** **TỈNH KONTUM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2017/HNGĐ-ST.
Ngày: 19/12/2017.
V/v tranh chấp xin ly hôn và con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM, TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hộ.

2. Bà Nguyễn Thị Sương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Trọng Nguyên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 521/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp *"Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Trần Hoài T, sinh năm 1973;

- *Bị đơn*: Chị Phạm Thị N, sinh năm 1974;

Cùng nghề nghiệp: Công nhân nhà máy chế biến mủ cao su.

Cùng địa chỉ: Thôn Tân An, xã Ia Chim, thành phố K, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01/11/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Thanh trình bày:

Anh T và chị N tự nguyện tìm hiểu và tổ chức lễ cưới vào năm 2002, tại xã Ia Chim, thành phố K, chung sống từ đó cho đến nay mà vẫn chưa có đăng ký kết hôn. Anh T và chị N sống hạnh phúc đến tháng 9 năm 2016 thì phát sinh mâu

thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp nhau, thường xuyên cải vã nhau và đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay không còn tình cảm với nhau nữa và cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn, kéo dài thêm được nữa nên anh T xin được ly hôn chị . Tại phiên hòa giải chị N đồng ý ly hôn nhưng do không có đăng ký kết hôn nên yêu cầu Tòa án giải quyết theo pháp luật.

- Về con chung: Có hai con chung là Trần Thị Vỹ, sinh ngày 14/2/2003 và Trần Hữu Quốc B, sinh ngày 31/5/2005. Chúng tôi đã thống nhất tại phiên hòa giải, con giao cho chị N nuôi dưỡng. Tuy nhiên, về mức cấp dưỡng nuôi hai con chị N yêu cầu 2.000.000 đồng/tháng/2 con, anh T không đồng ý. Vì cho rằng thu nhập chính từ lương công nhân Công ty cao su nên không có khả năng, anh T chỉ chấp nhận cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

- Về tài sản chung: Tự giải quyết.

Bị đơn chị Phạm Thị N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị N và anh T tìm hiểu nhau và tổ chức lễ cưới vào năm 2002, chung sống từ đó cho đến nay, chưa có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn là không hợp nhau, anh T ngoại tình và đã sống ly thân từ cuối năm 2016 cho đến nay. Nay xác định không còn tình cảm gì nữa, vì vậy anh T xin ly hôn tôi đồng ý, tuy nhiên chúng tôi không có đăng ký kết hôn nên đề nghị giải quyết theo pháp luật.

- Về con chung: Có hai con chung là Trần Thị Vỹ H, sinh ngày 14/2/2003 và Trần Hữu Quốc B, sinh ngày 31/5/2005. Anh T và chị N thống nhất giao hai con cho chị N nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: Chị N yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Chị N yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 2.000.000 đồng, vì cho rằng mỗi tháng phải chi phí 4.000.000 đồng/2 con gồm các khoảng sau: Tiền học thêm 1.500.000 đồng; tiền ăn mỗi ngày 40.000 đồng/con x 2 con là 2.400.00 đồng; tiền học phí các khoảng nộp ở trường bình quân mỗi tháng 100.000 đồng/con x 2 là 200.000 đồng; tiền quần áo đi học và quần áo tết bình quân mỗi tháng 150.000 đồng; tiền sữa mỗi tháng 300.000 đồng/2con.

- Về tài sản chung: Không có.

Vụ án này Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên toà nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố KonTum theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét hôn nhân: Anh T và chị N tự nguyện tìm hiểu và tổ chức lễ cưới vào năm 2002 và chung sống với nhau như vợ chồng cho đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, vì vậy hôn nhân này không hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn: Do không hợp nhau, thường xuyên cải vả nhau và đã sống ly thân từ cuối năm 2016 cho đến nay nên không còn tình cảm nên xin ly hôn. Anh T và chị N thống nhất ly hôn, tuy nhiên do các đương sự chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002 cho đến nay mà vẫn không có đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Vì vậy, tuyên bố không công nhận anh T và chị N là vợ chồng theo Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

Về nuôi con: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo biên bản hòa giải ngày 30/11/2017. Giao hai con chung là Trần Thị Vỹ H, sinh ngày 14/2/2003 và Trần Hữu Quốc B, sinh ngày 31/5/2005, cho chị Phạm Thị N nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: Chị N yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Anh T không đồng ý chỉ chấp nhận mỗi tháng cấp dưỡng nuôi hai con 1.000.000 đồng. Vì mức thu nhập từ lương thấp, khoảng hơn 3.000.000 đồng.

Xét lời khai và chứng cứ do các bên cung cấp tại phiên tòa thấy rằng cần chấp nhận mức cấp dưỡng mỗi tháng 1.400.000 đồng/2 con là phù hợp với mức thu nhập thực tế của anh T và nhu cầu thiết yếu của các con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí sơ thẩm: Anh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, và khoản 2 Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ Điều 14, khoản 2 Điều 53, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc tranh chấp *"Xin ly hôn và con chung"* của anh Trần Hoài T đề ngày 01/11/2017.

Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận anh Trần Hoài T và chị Phạm Thị N là vợ chồng.

Về nuôi con: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao hai con chung là Trần Thị Vỹ H, sinh ngày 14/2/2003 và Trần Hữu Quốc B, sinh ngày 31/5/2005, cho chị Phạm Thị N nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh Trần Hoài T phải cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 1.400.000 *(Một triệu bốn trăm nghìn)* đồng và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị.

Áp dụng khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị Phạm Thị N về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà anh Trần Hoài T chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 24, điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Trần Hoài T phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai thu tiền số 000960 ngày 14/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố KonTum, anh Trần Hoài T còn phải nộp tiếp 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (19/12/2017) bản án theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh KonTum;
- VKSND TP KonTum;
- THA dân sự TP KonTum;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã Ký)

DƯƠNG THỊ VÂN